

PHỤ LỤC
DANH MỤC HỒ, AO, ĐÀM, PHÁ KHÔNG ĐƯỢC SAN LẤP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

1. Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh (cũ)

TT	Tên ao, hồ, đầm, phá	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Dung tích (m ³)	Diện tích mặt nước (m ²)	Loại hình chức năng	Đơn vị quản lý
			X	Y				
1	Ao cá Hương Tràm	Phường Tân Thuận	1188633	605989	-	45.000	Phục vụ du lịch, giải trí	UBND Phường Tân Thuận
2	Ao Song Tân	Phường Tân Hưng	1188466	604977	-	94.206	Chỉnh trang đô thị	UBND Phường Tân Hưng

2. Khu vực Bình Dương (cũ)

TT	Tên ao, hồ, đầm, phá	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Dung tích (m ³)	Diện tích mặt nước (m ²)	Loại hình chức năng	Đơn vị quản lý
			X	Y				
1	Hồ Đá Bàn	Xã Bắc Tân Uyên	1229660	706238	5.887.000	1.360.000	Tích nước cung cấp cho sản xuất nông nghiệp	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh
2	Hồ càn Nôm	Xã Thanh An	1242852	653942	7.487.000	230.000	Điều tiết, cung cấp nước tưới	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Tên ao, hồ, đầm, phá	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Dung tích (m ³)	Diện tích mặt nước (m ²)	Loại hình chức năng	Đơn vị quản lý
			X	Y				
3	Hồ Dốc Nhàn	Xã Thường Tân	1227865	706782	545.000	270.000	Tích nước cung cấp cho sản xuất nông nghiệp	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh
4	Hồ Từ Vân I	Phường Bến Cát	1241806	676819	309.000	290.000	Tiêu thoát nước	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh
5	Hồ Từ Vân II	Phường Bến Cát	1241090	676762	241.000	102.000	Tiêu thoát nước	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh
6	Hồ Suối Lùng	Xã Phước Hòa	1243555	691188	250.000	108.600	Tiêu thoát nước	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa
7	Hồ cảnh quan Công viên thành phố mới	Phường Bình Dương	1222649	683064	788.063	157.612,6	Tạo cảnh quan và tiếp nhận, điều tiết nước mưa trong khu vực	UBND phường Bình Dương
8	Hồ Tân Vĩnh Hiệp	Phường Bình Dương, phường Tân Khánh	1217354	686229	250.000	125.350	Tiếp nhận nguồn nước mưa, nước thải đã qua xử lý của khu liên hợp - Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, giải quyết tiêu thoát nước cho khu vực đô thị	UBND phường Bình Dương, phường Tân Khánh

TT	Tên ao, hồ, đầm, phá	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Dung tích (m ³)	Diện tích mặt nước (m ²)	Loại hình chức năng	Đơn vị quản lý
			X	Y				
9	Hồ công viên Thủ Dầu Một	Phường Thủ Dầu Một	1215932	681357	26.475	8.825	Tiếp nhận nước mưa, tạo cảnh quan cho công viên	UBND phường Thủ Dầu Một
10	Hồ công viên khu dân cư Hiệp Thành 3	Phường Phú Lợi	1217430	682062	16.731	8.365,7	Tiếp nhận nước mưa, tạo cảnh quan cho khu dân cư Hiệp Thành 3	UBND phường Phú Lợi
11	Hồ nước mở đá Bình An	Phường Đông Hòa	1205377	697147	13.000.000	338.600	Tiếp nhận nước mưa và tạo cảnh quan cho khu vực	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ
14	Ao cá (đất công ích)	Thửa đất 334, tờ bản đồ số 6, phường Bình Cơ	1229653	690811	265.000	9.700,7	Cho thuê nuôi trồng thủy sản, thu chứa nước mưa chảy tràn khu vực xung quanh	UBND phường Bình Cơ
15	Ao (đất UBND xã quản lý)	Xã Phước Hòa	1243058	689089	25.358	12.679,7	Trữ nước	UBND xã Phước Hòa
16	Hồ (đất UBND xã quản lý)	Xã Phước Hòa	1240431	692328	200.000	80.000	Nuôi cá	UBND xã Phước Hòa
17	Hồ Cua Pari	Phường Vĩnh Tân	1237066	683657	1.190.000	170.000	Phục vụ nông nghiệp và giữ mạch nước ngầm	UBND phường Vĩnh Tân

3. Khu vực Bà Rịa – Vũng Tàu (cũ)

TT	Tên ao, hồ, đầm, phá	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Dung tích (10 ⁶ m ³)	Diện tích mặt nước (m ²)	Loại hình chức năng	Đơn vị quản lý
			X	Y				
1	Hồ Sông Ray	Xã Hòa Hội; xã Bàu Lâm; xã Xuân Sơn	1181726	456631,3	215,36	19.220.000	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh
2	Hồ Đá Đen	Xã Ngãi Giao, xã Kim Long, xã Châu Pha, Phường Tân Thành	1175650	436555,5	33,4	6.610.000	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh
3	Hồ Đá Bàng	Xã Nghĩa Thành; xã Đất Đỏ	1167750	445352	11,35	2.140.000	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh
4	Hồ Lò Ô	Xã Xuân Sơn; xã Đất Đỏ	1162716	436088	6	750.000	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh
5	Hồ Bút Thiên	Xã Long Điền	1155519	445242,4	2,4	336.695,7	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	UBND xã Long Điền

TT	Tên ao, hồ, đầm, phá	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Dung tích (10 ⁶ m ³)	Diện tích mặt nước (m ²)	Loại hình chức năng	Đơn vị quản lý
			X	Y				
6	Hồ Gia Hoét II	Xã Bình Giã	1183804	450504,8	0,067	26.658	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh
7	Hồ Gia Hoét I	Xã Bình Giã	1183669	449326,7	4	600.000	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh
8	Hồ Kim Long	Xã Kim Long	1183058	440411,7	3,78	650.000	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh
9	Hồ Núi Nhan	Xã Ngãi Giao, xã Kim Long	1178564	441287,7	1,12	223.000	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh
10	Hồ Suối Đồi I	Xã Bình Giã	1182144	450238,7	0,165	148.165	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Tên ao, hồ, đầm, phá	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Dung tích (10 ⁶ m ³)	Diện tích mặt nước (m ²)	Loại hình chức năng	Đơn vị quản lý
			X	Y				
11	Hồ Suối Sao	Xã Bình Giã	1184820	451044,3	0,107	42.900	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh
12	Hồ Tầm Bó	Xã Kim Long, xã Bình Giã	1183127	446907,6	5,85	661.000	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh
13	Hồ Suối Giàu	Xã Xuân Sơn, xã Nghĩa Thành	1171162	452666,3	12,2	1.520.000	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh
14	Hồ Châu Pha	Xã Châu Pha, phường Tân Thành	1173206	432656,9	3,52	1.810.000	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh
15	Hồ Hải Sơn	Phường Tân Phước	1167782	435801,8	0,03	6.544	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	UBND phường Tân Phước
16	Hồ Nhà Bè	Phường Tân Thành	1180018	432978,7	0,21	68.095	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	UBND phường Tân Thành
17	Hồ Suối Đá	Xã Châu Pha	1167782	435801,8	0,78	105.843	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	UBND xã Châu Pha

TT	Tên ao, hồ, đầm, phá	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Dung tích (10 ⁶ m ³)	Diện tích mặt nước (m ²)	Loại hình chức năng	Đơn vị quản lý
			X	Y				
18	Hồ Suối Nhum	Xã Châu Pha	1175576	427410,1	2	164.713	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt	Công ty TNHH Tập đoàn Hải Châu Việt Nam
19	Hồ Bàu Úc	Phường Tam Long	1166275	442432,8	0,84	97.231	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	UBND phường Tam Long
20	Hồ Lò Ò	Phường Long Hương	1167572	453239,1	0,04	7.207	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	UBND phường Long Hương
21	Hồ Đá Xanh (Hồ RMK)	Phường Long Hương	1162235	433849,1	-	84.636	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	UBND phường Long Hương
22	Hồ HMK (Hồ PMK)	Phường Long Hương	1162675	434017,9	-	56.699	Hỗ trợ sinh thái	UBND phường Long Hương
23	Hồ Mỏ đá phường Kim Dinh	Phường Long Hương	1162788	433177,4	-	131.447	Hỗ trợ sinh thái	UBND phường Long Hương
24	Hồ Thủ Lựu	Phường Bà Rịa	1159565	438220	-	11.000	Hồ điều hòa	Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật TP Hồ Chí Minh
25	Hồ Minh Đạm (Đập giữ nước PCCC tại khu vực núi Minh Đạm)	Xã Long Điền	1154867	443962,1	0,023	16.917	Phòng cháy chữa cháy	Ban Quản lý Rừng phòng hộ

TT	Tên ao, hồ, đầm, phá	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Dung tích (10 ⁶ m ³)	Diện tích mặt nước (m ²)	Loại hình chức năng	Đơn vị quản lý
			X	Y				
26	Hồ Sở Bông	Xã Phước Hải	1152708	446715,7	0,82	204.099	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	UBND xã Phước Hải
27	Hồ Suối Môn	Xã Đất Đỏ	1167067	448405	1,6	700.000	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh
28	Hồ Sông Hỏa	Xã Hòa Hội, xã Xuyên Mộc	1169346	468807,6	2,22	930.000	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh
29	Hồ Suối Các	Xã Hòa Hiệp	1183591	471859,8	4,3	1.170.000	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh
30	Hồ Xuyên Mộc	Xã Hồ Tràm	1165917	461775,3	4,5	1.420.000	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh
31	Hồ Sông Kinh (Đập dâng cầu mới)	Xã Hồ Tràm	1162622	462297,7	0,84	291.050	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt	Trung tâm Quản lý và khai thác công trình thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh
32	Đầm Sen	Xã Hồ Tràm	1158038	462567,6	-	520.730	Hỗ trợ sinh thái	UBND xã Hồ Tràm

TT	Tên ao, hồ, đầm, phá	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 3 ⁰)		Dung tích (10 ⁶ m ³)	Diện tích mặt nước (m ²)	Loại hình chức năng	Đơn vị quản lý
			X	Y				
33	Hồ Linh	Xã Bình Châu	1163531	475162,5	-	115.000	Hỗ trợ sinh thái	Ban Quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu
34	Mỏ than bùn Bình Châu	Xã Bình Châu	1167148	476343	-	80.000	Hỗ trợ sinh thái	UBND xã Bình Châu
35	Hồ Á Châu	Phường Vũng Tàu	1143387	426677,3	-	17.320	Tạo cảnh quan/ Nuôi trồng Thủy sản	UBND phường Vũng Tàu
36	Hồ Bàu Trũng	Phường Tam Thắng	1147595	429427,7	-	84.852	Tạo cảnh quan/ Nuôi trồng Thủy sản	UBND phường Tam Thắng
37	Hồ Võ Thị Sáu	Phường Vũng Tàu	1142768	426695,7	-	19.880	Tạo cảnh quan/ Nuôi trồng Thủy sản	UBND phường Vũng Tàu
38	Hồ Rạch Bà	Phường Rạch Dừa	1150392	430862,4	-	9.348	Tạo cảnh quan/ Nuôi trồng Thủy sản	UBND phường Rạch Dừa
39	Các ao cá phường Nguyễn An Ninh	Phường Tam Thắng	1147162	428887,4	-	87.663	Tạo cảnh quan/ Nuôi trồng Thủy sản	UBND phường Tam Thắng
40	Hồ Bàu Sen	Phường Vũng Tàu	1143906	427264,4	-	187.903	Tạo cảnh quan	UBND phường Vũng Tàu
41	Hồ Mang Cá	Xã Long Sơn	1157151	426316,8	-	81.428	Tạo cảnh quan	UBND xã Long Sơn
42	Đùng Đồi Nhái	Phường Phước Thắng	1149668	434436,5	-	391.796	Nuôi trồng thủy sản	UBND phường Phước Thắng

TT	Tên ao, hồ, đầm, phá	Vị trí hành chính	Tọa độ vị trí (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰)		Dung tích (10 ⁶ m ³)	Diện tích mặt nước (m ²)	Loại hình chức năng	Đơn vị quản lý
			X	Y				
43	Hồ An Hải	Đặc khu Côn Đảo	959931,9	372858,9	0,54	90.105	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt	UBND Đặc khu Côn Đảo
44	Hồ Quang Trung I	Đặc khu Côn Đảo	961124,9	373703,6	0,518	95.710	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt	UBND Đặc khu Côn Đảo
45	Hồ Quang Trung II	Đặc khu Côn Đảo	961615	374296	0,645	227.278	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt	UBND Đặc khu Côn Đảo
46	Hồ Đất Dộc	Đặc khu Côn Đảo	962401,4	376406	0,17	1.700	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt	UBND Đặc khu Côn Đảo
47	Hồ Lò Vôi	Đặc khu Côn Đảo	962401,4	376406	0,053	47.365	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt	UBND Đặc khu Côn Đảo
48	Hồ Suối Ót	Đặc khu Côn Đảo	963634,7	377045	0,0667	17.274	Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt	UBND Đặc khu Côn Đảo